

Bản tin chứng khoán

Trong số này

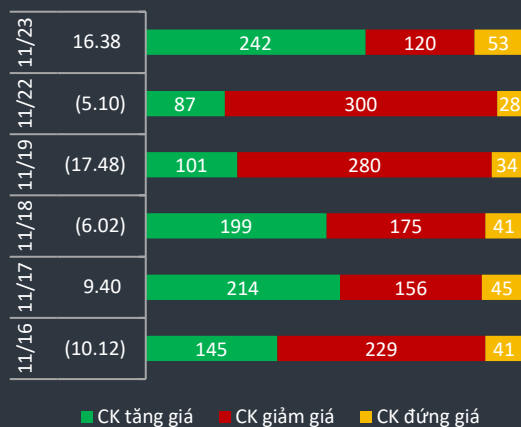
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VHM		75.82
MSN		72.41
ITC		54.12
MCG		46.01
KDC		31.14
HPG		29.35
PC1	(16.89)	
FLC	(17.06)	
HDB	(26.98)	
NKG	(27.99)	
VIC	(71.04)	
VNM	(73.00)	
FRT	(104.10)	
DGC	(192.31)	

Thị trường mở đầu ngày giao dịch khá nhạy cảm khi chỉ số Vnindex đã điều chỉnh 3 phiên liên tiếp. Chỉ số index 3 phiên vừa qua đã được nhiều nhóm cổ phiếu blue chip và ngân hàng đỡ giá nên chỉ rơi nhẹ nhàng 30 điểm nhưng mức độ mất mát của nhà đầu tư nếu đang ôm cổ phiếu bất động sản sẽ rất lớn vì nhiều cổ phiếu đổ sàn liên tục. Mở đầu phiên sáng hôm nay kịch bản vẫn lặp lại khi Vnindex giằng co mất điểm nhẹ nhưng áp lực bán ở nhóm bất động sản vẫn khá mạnh đặc biệt là ở nhóm cổ phiếu GEX, QCG, LDG, DLG, HQC, ITA ... Tuy nhiên cũng phải nhận thấy rằng dòng tiền hôm nay đã mạnh dần lên và tham gia bắt đáy khá quyết liệt. Dòng tiền cũng chuyển hướng mạnh sang các nhóm ngành khác mà nổi bật nhất là nhóm chứng khoán, dầu khí, phân đạm và cả ngành thép.

Cổ phiếu chứng khoán vươn lên trở thành nhóm ảnh hưởng tích cực nhất lên VN-Index với mức tăng trung bình 2.4%. Nhiều cổ phiếu lấy lại xung lực tăng sau nhịp chỉnh đầu phiên như MBS, BVS, VND, ART, ORS, APS, VCI,... SSI, AGR, VND cuối phiên còn gây sốc khi tăng trần hàng loạt. Nhiều cổ phiếu chứng khoán có biên độ trên 10% trong ngày chuyển từ đỏ sang xanh mạnh như APS, BVS, SHS, CTS, MBS.

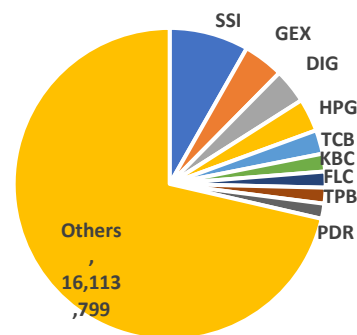
Cổ phiếu phân bón tăng tốt nhất trong các nhóm ngành với mức trung bình 4.1%. DPM, LAS, DCM đều tăng trên 5% với lực cầu lớn. Giá Ure tiếp tục tăng cao khi Ấn Độ liên tục gia tăng nhu cầu mua trong khi các nhà cung cấp lớn như Trung Quốc, Nga và Ai Cập lại hạn chế hoặc ngừng xuất khẩu. Dự trữ Ure của Trung Quốc và cách tiếp cận đối với xuất khẩu cho thấy cơn khát loại hàng hoá này sẽ kéo dài ít nhất đến quý I/2022.

Sắc xanh cũng hiện diện trên nhiều nhóm ngành khác như thép, bất động sản, hóa chất, bán lẻ, điện. Cổ phiếu thép bắt đầu chạm các vùng hỗ trợ EMA 200 như HSG, NKG, HPG đang bắt đầu có tín hiệu đảo chiều và lực mua đang tăng dần trở lại. Cổ phiếu bán lẻ cũng nổi sóng ở MWG, FRT với mức tăng hơn 3%.

Cổ phiếu ngân hàng trong ngày lại là nhóm ngành yếu nhất khi chỉ có 6/27 mã tăng. TPB xanh tốt nhất 4.7%, thứ nhì là OCB 2.4%. Các cổ phiếu còn lại MSB, PGB, VIB chỉ trên tham chiếu một chút. Cổ phiếu OCB đang ghi nhận lực cầu gia tăng trở lại riêng hôm nay khớp lệnh hơn 8 triệu cổ phiếu và giá đang tìm về đỉnh cũ gần 30.

Vnindex 1,463.63

▲ +16.38 (+1.13%)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
SSI	52.0	3,400	7.00
POW	13.8	750	5.75
GVR	37.5	1,900	5.34
TPB	48.7	2,200	4.73
MSN	156.5	6,600	4.40
NVL	106.2	4,100	4.02
BVH	62.4	2,200	3.65
REE	66.7	2,200	3.41
MWG	143.0	4,400	3.17
VJC	132.0	4,000	3.13
GAS	104.6	2,500	2.45
BCM	55.0	1,100	2.04
PLX	57.0	1,100	1.97
VHM	82.5	1,500	1.85
HPG	49.6	900	1.85
FPT	96.6	1,600	1.68
PNJ	105.7	1,700	1.63
HVN	23.4	350	1.52
VRE	30.2	250	0.84
VIB	41.9	200	0.48
VCB	99.1	300	0.30
DHG	98.7	200	0.20
VNM	86.3	100	0.12
VIC	94.8	-	-
SAB	168.0	-	-
PDR	90.7	(200)	(0.22)
ACB	34.0	(200)	(0.59)
TCB	52.6	(500)	(0.94)
MBB	28.9	(300)	(1.03)
STB	28.5	(300)	(1.04)
CTG	34.1	(400)	(1.16)
VPB	36.3	(450)	(1.23)
HDB	31.8	(500)	(1.55)
BID	44.7	(850)	(1.87)

Nhóm bất động sản dù áp lực bán vẫn còn khá lớn nhưng tình trạng rơi sàn đã không còn và nhiều cổ phiếu đã xanh trở lại như ITC, ASM, KDH, DXG, HDG, D2D. Dù một số cổ phiếu vẫn bị bán mạnh nhưng khả năng sau phiên ngày mai nhóm cổ phiếu bất động sản sẽ cân bằng trở lại.

Thị trường đóng cửa tăng 16 điểm nhờ lực đẩy từ nhóm blue chip đến từ VN30 và có sự đồng thuận của nhiều cổ phiếu các nhóm ngành như thép, phân đạm, dầu khí, bán lẻ, chứng khoán ... Thanh khoản hôm nay riêng sàn HOSE đạt hơn 26 ngàn tỷ, thấp hơn các phiên trước một chút nhưng vẫn ở mức khá cao. Tiền vào thị trường vẫn nhiều và dồi dào. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ cổ phiếu và chuyển hướng một phần sang các nhóm ngành chứng khoán, bán lẻ, phân đạm, ngân hàng, thép.

Cổ phiếu quan tâm

Cổ phiếu tiếp tục nắm giữ trung và dài hạn: FPT, MWG, DGW, STK, OCB, TCB, SSI, DPR, MBB, FRT.

Cổ phiếu đang tăng tốt – tiếp tục nắm giữ: VCI, HCM, VND, GVR, APS, TCM,

Cổ phiếu cho tín hiệu mua ngắn hạn: HPG, HSG, NKG, APS, GVR, DPM, DCM

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
DPM	49.3	(7.2)	44	60	Mua quanh 47-48. Mục tiêu 60	11/23/2021	0.6%
DCM	37.0	(6.5)	32	45	Mua quanh 35-36. Mục tiêu 45	11/23/2021	1.4%
HSG	39.1	(9.2)	35	50	Mua quanh 38-39. mục tiêu 50	11/23/2021	0.3%
TCM	82.1	4.1	60	85	Mua quanh 75, nắm giữ	10/6/2021	28.3%
PET	30.7	(7.1)	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	9.6%
LCG	18.1	(2.9)	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	29.3%
DPR	78.9	(3.1)	57	95	Mua vào quanh 80, nắm giữ	9/21/2021	17.8%
GVR	37.5	(5.1)	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	27.6%
HCM	46.5	2.0	44	60	Nắm giữ	7/12/2021	36.8%
VCI	75.2	4.5	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	53.5%
SSI	52.0	12.4	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	57.6%
MBB	28.9	1.0	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	-0.3%
OCB	28.0	4.7	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	21.7%
HPG	49.6	(4.6)	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 50	7/12/2021	10.2%
DGW	134.5	7.4	120	150	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	169.0%
REE	73.0	(7.5)	50	80	Chốt lãi	7/12/2021	43.1%
IDC	87.0	5.5	45	85	Chốt lãi	9/21/2021	74.0%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

SGT	6.92
PAN	6.94
TGG	6.96
TTF	6.97
CMX	6.98
TNA	6.98
MCG	6.98
ELC	6.99
VOS	6.99
NTL	6.99
IDI	6.99
SSI	7.00

Top tăng giá HNX

PVC	9.24
TTH	9.38
VHE	9.47
CMS	9.60
CVN	9.68
PMB	9.71
BXH	9.82
PSW	9.88
VLA	10.00
LDP	10.00
TKU	10.00

APG - CTCP Chứng khoán APG - Ngày 3/12 chốt quyền chào bán hơn 73,15 triệu cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu với mức giá 10.000 đồng/CP. Tỷ lệ thực hiện là 1:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua được mua 01 cổ phiếu mới).

IDJ - CTCP Đầu tư IDJ Việt Nam - Tháng 10/2021, Đầu tư IDJ ghi nhận doanh thu đạt 66,2 tỷ đồng, gấp 4,4 lần cùng năm ngoái; lợi nhuận trước thuế đạt 23 tỷ đồng, gấp 3,8 lần cùng kỳ năm ngoái.

Lũy kế 10 tháng năm 2021, Đầu tư IDJ ghi nhận doanh thu đạt 749 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế đạt 196 tỷ đồng, tăng 2,3 lần cùng kỳ năm 2020.

PNJ - CTCP Vàng bạc Phú Nhuận - Tháng 10/2021, PNJ ghi nhận doanh thu thuần đạt 2,080 tỷ (tăng 13,8% so với cùng kỳ năm ngoái) và lợi nhuận sau thuế đạt 120 tỷ đồng.

Lũy kế 10 tháng đầu năm, PNJ ghi nhận doanh thu thuần đạt 14.594 tỷ đồng, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm ngoái và lợi nhuận sau thuế đạt 697 tỷ đồng, giảm 14,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

HCM - CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - Ngày 16/12 sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện chi tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 cho cổ đông bằng tiền mặt với tỷ lệ 5%. Dự kiến thời gian thanh toán vào ngày 13/01/2022.

KDC - CTCP Tập đoàn Kido - Đã thông qua phương án dùng hơn 22,87 triệu cổ phiếu quỹ để chia thưởng cho cổ đông hiện hữu. Chi tiết sẽ được thông báo sau.

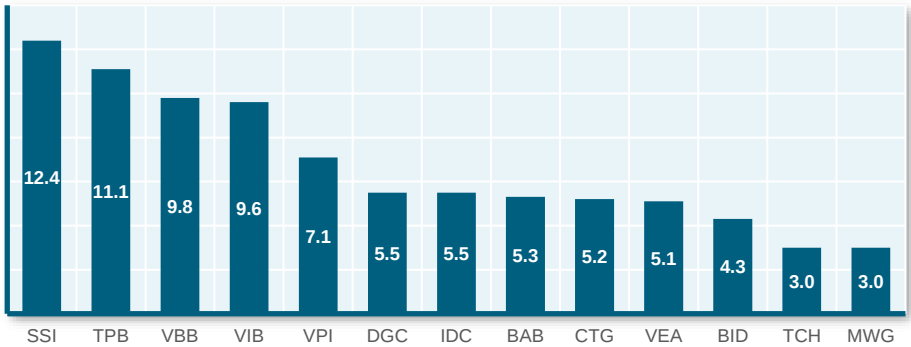
GEX - CTCP Tập đoàn Gelex - Ngày 29/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 30/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 100:9 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 9 cổ phiếu mới), tương đương GEX sẽ phát hành thêm hơn 70,3 triệu cổ phiếu trong đợt này.

PTC - CTCP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện - Đã thông qua việc bán toàn bộ 1,7 triệu cổ phiếu quỹ hiện có theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh, với giá không thấp hơn 15.000 đồng/cổ phiếu. Dự kiến hoàn thành trong quý I/2022.

VNL - CTCP Logistics Vinalink - Ngày 18/11, HĐQT đã thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 7%. Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 08/12/2021 và thanh toán từ ngày 24/12/2021.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	36.3	7,528,100	7.2	1.5	-	2,860,000	161,148	19.03	5,056	24,447
VIB	HOSE	41.9	2,721,900	7.4	3.1	-	7,700	65,077	20.50	5,638	13,552
VCB	UPCOM	99.1	549,200	17.9	3.5	335,200	20,300	367,550	23.61	5,532	28,293
VBB	HNX	20.4	179,430	24.6	1.8	-	-	9,745	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	18.9	890,139	15.8	1.4	20,800	-	8,410	0.01	1,196	13,597
TPB	HOSE	48.7	7,755,400	10.7	2.6	435,500	26,600	57,060	29.86	4,565	18,925
TCB	HOSE	52.6	10,596,400	11.4	2.2	50,000	50,000	184,674	22.47	4,614	23,938
STB	UPCOM	28.5	10,730,300	14.8	1.7	669,300	454,600	53,729	16.91	1,922	16,846
SSB	HOSE	37.0	1,007,800	21.5	3.0	-	-	49,605	0.02	1,723	12,310
SHB	HOSE	23.8	7,819,700	10.9	1.7	4,900	6,900	50,652	3.65	2,183	14,014
SGB	HNX	20.0	296,830		1.7	1,500	-	6,160	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	36.3	454,055	49.1	2.7	-	-	10,890	15.00	739	13,529
OCB	HNX	28.0	8,487,000	7.4	1.6	132,900	183,200	38,357	21.82	3,799	17,827
NVB	HOSE	29.8	198,710	145.4	2.8	7,300	2,400	12,123	8.44	205	10,726
NAB	HOSE	24.0	535,971	7.1	1.5	2,000	100	10,955	0.02	3,367	16,324
MSB	HOSE	26.5	11,098,000	8.1	1.5	-	-	40,402	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.9	9,852,000	7.4	1.4	2,130,100	2,106,000	109,193	23.23	3,897	19,986
LPB	HOSE	23.1	6,830,000	8.9	1.6	25,000	8,900	27,743	3.90	2,591	14,466
KLB	HOSE	24.7	71,239	12.1	1.7	-	-	8,929	(3.44)	2,035	14,117
HDB	HOSE	31.8	5,900,600	8.3	1.8	934,900	290,000	63,352	17.60	3,854	17,399
EIB	HOSE	27.5	237,000	31.5	2.0	100	88,800	33,809	29.67	874	14,061
CTG	HOSE	34.1	9,854,300	7.8	1.4	1,445,300	679,500	163,876	25.06	4,394	25,028
BVB	HOSE	24.9	4,136,337	21.5	2.0	44,813	100	9,141	0.08	1,157	12,737
BID	HOSE	44.7	1,795,000	17.8	2.1	59,100	9,400	179,784	16.64	2,512	21,036
BAB	HOSE	24.5	113,950	25.8	2.0	-	-	18,452	-	950	12,242
ACB	HOSE	34.0	3,839,600	7.4	2.3	-	-	91,731	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	22.4	1,953,114	8.0	1.3	-	-	12,797	30.00	2,801	16,671
115,432,075				19.83	1.99	6,298,713	6,794,500	1,845,343		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	DRL	HOSE	3/12/2021	6/12/2021	22/12/2021	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	CLH	HNX	30/11/2021	1/12/2021	15/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	SBA	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	15/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SGR	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	20/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	FCM	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	14/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	FCM	HOSE	29/11/2021	30/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	THP	UPCoM	29/11/2021	30/11/2021	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	MCM	UPCoM	29/11/2021	30/11/2021	22/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	HTV	HOSE	26/11/2021	29/11/2021	23/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	CLC	HOSE	25/11/2021	26/11/2021	15/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	ANV	HOSE	25/11/2021	26/11/2021	24/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SPC	UPCoM	25/11/2021	26/11/2021	20/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	DWS	UPCoM	25/11/2021	26/11/2021	10/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 550 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	TLP	UPCoM	25/11/2021	26/11/2021	14/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 37 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	DAR	UPCoM	24/11/2021	25/11/2021	22/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	NLG	HOSE	24/11/2021	25/11/2021	29/12/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 619 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	NLG	HOSE	24/11/2021	25/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:3.616	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	NLG	HOSE	24/11/2021	25/11/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:6.926	Thưởng cổ phiếu
19	TCT	HOSE	24/11/2021	25/11/2021	10/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HCT	HNX	23/11/2021	24/11/2021	22/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	TNA	HOSE	23/11/2021	24/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	TNA	HOSE	23/11/2021	24/11/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Thưởng cổ phiếu
23	ITC	HOSE	22/11/2021	23/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
24	T12	UPCoM	22/11/2021	23/11/2021	27/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	EMG	UPCoM	22/11/2021	23/11/2021	6/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	SVI	HOSE	19/11/2021	22/11/2021	6/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	ICG	HNX	19/11/2021	22/11/2021	14/12/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	VDN	UPCoM	19/11/2021	22/11/2021	10/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q3.2021

Ngành	Số DN	DT 9T.2020	DT 9T.2021	%	LN 9T.2020	LN 9T.2021	%
Ngân hàng	27	198,839.82	258,217.79	29.9%	75,681.66	109,596.51	44.8%
Bất động sản	79	184,251.23	231,588.94	25.7%	29,047.18	43,326.16	49.2%
Dịch vụ tài chính	39	18,811.40	34,391.88	82.8%	4,065.13	12,078.97	197.1%
Dầu khí	22	272,421.96	332,746.37	22.1%	2,927.65	14,305.20	388.6%
Thực phẩm và đồ uống	75	235,815.68	251,010.55	6.4%	20,759.15	21,700.93	4.5%
Sản xuất và KD Thép	26	170,680.56	253,124.22	48.3%	9,969.25	35,433.69	255.4%
Bất động sản KCN	21	34,477.69	41,022.64	19.0%	5,523.15	7,474.69	35.3%
Điện	43	113,909.05	93,270.96	-18.1%	6,746.48	10,271.53	52.3%
Vận tải - Logistics	73	69,641.33	84,393.96	21.2%	4,567.27	7,087.62	55.2%
Công nghệ Thông tin	19	27,754.20	31,441.29	13.3%	2,746.08	3,226.76	17.5%
Vật liệu xây dựng	41	39,182.16	41,188.56	5.1%	3,360.53	3,735.53	11.2%
Bảo hiểm	12	44,114.42	47,818.64	8.4%	3,138.99	3,967.79	26.4%
Phân bón	13	26,744.35	36,070.62	34.9%	25.91	2,392.16	9132.5%
Xây dựng	113	113,332.43	122,912.58	8.5%	6,146.17	5,131.11	-16.5%
Y tế	35	38,315.15	35,467.99	-7.4%	2,125.84	2,229.91	4.9%
Hóa chất	24	32,936.63	47,082.16	42.9%	1,767.42	2,580.47	46.0%
Nước	48	16,177.90	16,359.90	1.1%	2,097.46	2,345.69	11.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	30	35,690.97	36,240.25	1.5%	1,933.16	1,910.13	-1.2%
Dệt May	21	40,979.66	42,409.79	3.5%	1,183.75	2,031.11	71.6%
Thủy sản	23	41,516.25	44,539.74	7.3%	1,929.57	2,157.15	11.8%
Khoáng sản	30	46,601.30	56,333.45	20.9%	762.00	1,065.63	39.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	59,365.08	67,950.53	14.5%	7,089.88	8,602.05	21.3%
Tài nguyên Cơ bản	19	17,407.79	21,540.43	23.7%	473.80	1,298.03	174.0%
Bán lẻ	23	135,505.76	150,335.61	10.9%	3,311.69	4,719.81	42.5%
Cao su	13	2,861.45	3,884.68	35.8%	314.82	730.75	132.1%
Truyền thông	28	5,963.07	6,134.91	2.9%	439.38	609.73	38.8%
Ô tô và phụ tùng	11	27,097.78	25,469.26	-6.0%	644.48	538.95	-16.4%
Bao bì	16	14,803.44	20,276.07	37.0%	576.74	271.83	-52.9%
Xây dựng và Vật liệu	59	22,218.41	21,591.16	-2.8%	1.88	223.43	11763.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	5,102.99	5,239.13	2.7%	48.41	83.41	72.3%
Viễn thông	5	25,840.95	25,954.55	0.4%	2,844.94	1,313.18	-53.8%
Du lịch và Giải trí	28	12,473.61	10,452.49	-16.2%	(16.79)	(222.92)	
Tổng Cộng	1090	2,130,834.48	2,496,461.13	17.2%	202,233.03	312,217.00	54.4%



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931